

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THPT Thủ Thiêm

Năm học: 2020 - 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy chế	Theo quy chế	Theo quy chế
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	THPT của Bộ	THPT của Bộ	THPT của Bộ
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Chặt chẽ, nghiêm túc	Chặt chẽ, nghiêm túc	Chặt chẽ, nghiêm túc
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Chú trọng, tốt	Chú trọng, tốt	Chú trọng, tốt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Khá, tốt 95%	Khá, tốt 95%	Khá, tốt 95%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt

Quận 2, ngày 05 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THPT Thủ Thiêm
Năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1494	547	515	432
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1262 (84,47)	438 (80,07)	428 (83,11)	396 (91,67)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	202 (13,52)	101 (18,46)	70 (13,59)	31 (7,18)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	30 (2,01)	8 (1,46)	17 (3,30)	5 (1,16)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00)	0 (0,00)	0 (0,00)	0 (0,00)
II	Số học sinh chia theo học lực	1494	547	515	432
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	211 (14,12)	70 (12,80)	56 (10,87)	85 (19,68)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	819 (54,82)	254 (46,44)	308 (59,81)	257 (59,49)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	440 (29,45)	203 (37,11)	147 (28,54)	90 (20,83)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	13 (0,87)	11 (2,01)	2 (0,39)	0 (0,00)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0,74)	9 (1,65)	2 (0,39)	0 (0,00)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1494	547	515	432
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1436 (96,12)	499 (91,22)	505 (98,06)	432 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	209 (13,99)	69 (12,61)	56 (11,07)	84 (19,44)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	811 (54,28)	254 (46,44)	302 (58,45)	254 (58,80)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	51 (3,41)	41 (7,50)	10 (1,94)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0,49)	7 (1,28)	0 (0,00)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0,80) / 66 (4,42)	4 (0,73) / 3 (0,55)	5 (0,97) / 54 (10,48)	3 (0,69) / 9 (2,08)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	28	8	11	10
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	17 (1,14)	6 (0,40)	8 (0,54)	3 (0,20)
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	432	0	0	432

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	431 (99,77%)	0	0	431 (99,77%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	331 (76,79)	/	/	331 (76,79)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	762/732	263/284	271/244	228/204
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	24	16	13	5

Quận 2, ngày 05 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Tấn Tài

